

**KHẢO SÁT THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN TRONG VIỆC ÁP DỤNG
Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỂ ĐIỀU TRỊ CÁC VẤN ĐỀ VỀ DA
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022**

*Bùi Thị Diễm Kiều, Nguyễn Ngọc Như Huyền, Bùi Kim Ngân, Phạm Vĩnh Nghi,
Lê Thị Mỹ Nhân, Lê Thị Mỹ Tiên**

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Ngày nhận bài: 31/5/2023

Ngày phản biện: 22/7/2023

Ngày duyệt đăng: 31/7/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tình trạng da là một trong những mối quan tâm quan trọng của sức khỏe cộng đồng. Nó ảnh hưởng đến mọi lứa tuổi, giới tính của các dân tộc và quốc gia khác nhau, đặc biệt là ở vùng nhiệt đới. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát thái độ của sinh viên trong việc áp dụng Y học cổ truyền để điều trị các vấn đề về da. **Đối tượng và phương pháp:** Mô tả cắt ngang có phân tích trên 730 sinh viên năm nhất và năm hai thuộc tất cả các ngành học tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022. **Kết quả:** Có 543 sinh viên (74,4%) gặp vấn đề về da, trong đó mụn chiếm tỷ lệ cao nhất (87,1%), tỷ lệ kết hợp cả hai phương pháp YHCT và YHHĐ trong điều trị bệnh về da chiếm 27,8%; chỉ có 2,8% chọn áp dụng YHCT để điều trị; tỷ lệ sinh viên có nhu cầu sử dụng YHCT trong tương lai ở sinh viên chưa gặp vấn đề về da là 60,9% và từng gặp vấn đề về da là 71,6%, phương pháp lựa chọn nhiều nhất là đắp (36,2%), hiệu quả sau khi sử dụng YHCT ở mức độ tương đối chiếm tỷ lệ cao nhất (54,8%), hiệu quả cao chiếm 26,1%; nhu cầu áp dụng phương pháp YHCT ở sinh viên YHCT có vấn đề về da là 91,1%, chưa từng có vấn đề về da là 81,1%, có sự khác biệt trong việc lựa chọn YHCT để điều trị ở sinh viên YHCT và nhóm ngành khác ($p < 0,05$). **Kết luận:** Đa số sinh viên gặp vấn đề về da, mụn chiếm tỷ lệ cao nhất, tỷ lệ áp dụng hiện tại còn thấp, nhu cầu áp dụng YHCT trong tương lai chiếm tỷ lệ khá cao, phương pháp đắp được ưu tiên lựa chọn, hiệu quả sau khi áp dụng YHCT ở mức tương đối, có sự khác biệt giữa sinh viên ngành YHCT với nhóm ngành khác trong việc áp dụng YHCT để điều trị các vấn đề về da.

Từ khóa: Bệnh về da, mụn, thái độ của sinh viên, Y học cổ truyền, trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

ABSTRACT

**STUDENT'S ATTITUDE IN USING TRADITIONAL MEDICINE
TO TREAT SKIN PROBLEMS AT CAN THO UNIVERSITY OF
MEDICINE AND PHARMACY IN 2022**

*Bui Thi Diem Kieu, Nguyen Ngoc Nhu Huyen, Bui Kim Ngan, Pham Vinh Nghi,
Le Thi My Nhan, Le Thi My Tien**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Skin condition is one of an important concern of public health. It affects all ages, sexes of different ethnics and countries, especially in tropical regions. **Objectives:** To study student's attitude in using traditional medicine to treat skin problems. **Materials and method:** Cross-sectional descriptions and analyze in 730 the 1st and 2nd students of all majors at Can Tho university of medicine and pharmacy in 2022. **Results:** 543 students (74.4%) have skin problems, in which acne accounts the highest rate (87.1%), the rate of combining between modern medicine and traditional medicine is 27.8%, only 2.8% students choose traditional medicine to treat skin problems; the percentage of students needing to use traditional medicine in the future among students who have never had skin problems is 60.9% and have ever had skin problems is 71.6%, the most popular method is application (36.2%), efficiency level

after using traditional medicine is at a relative level (54.8%), high efficiency level accounts for 26.1%; the need of using traditional medicine in traditional medicine students having ever had skin problems is 91.1% and never had skin problems is 81.1%, there is the difference between traditional students and other majors' students ($p < 0.05$). **Conclusion:** Most students have skin problems, in which acne accounts the highest rate, the current rate is at a low level, but the need using traditional medicine in the future is quite high, the most popular method is application, efficiency level after using traditional medicine is at a relative level, there is the difference between traditional students and other majors' students in using traditional medicine to treat skin problems.

Keywords: Skin problems, acne, student's attitude, traditional medicine, Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng da là một mối quan tâm sức khỏe cộng đồng quan trọng. Căn bệnh này ảnh hưởng đến mọi người ở mọi lứa tuổi, giới tính của các dân tộc và quốc gia khác nhau, đặc biệt là ở các vùng nhiệt đới [1]. Chúng ảnh hưởng từ 30% đến 70% dân số trên toàn thế giới [2]. Tình trạng da thường gặp nhất ở những người trẻ tuổi, riêng mụn trứng cá ảnh hưởng đến khoảng 85% thanh niên từ 12–25 tuổi [3]. Tỷ lệ lo âu và trầm cảm cao đã được báo cáo ở những bệnh nhân mắc các bệnh về da, với các tác động tâm lý nghiêm trọng ở tuổi thanh thiếu niên [4]. Thông qua quá trình tìm kiếm và đánh giá một cách khách quan, chúng tôi nhận thấy nghiên cứu vấn đề điều trị bệnh về da bằng Y học cổ truyền (YHCT) ở trong và ngoài nước vẫn chưa có nhiều các nghiên cứu, tổng kết về đề tài này. Đa số là các nghiên cứu có liên quan đến các bệnh về da, nhưng rất ít đề cập đến thái độ đối với việc điều trị da liễu bằng YHCT, đặc biệt là ở đối tượng sinh viên. Từ nhu cầu thực tế mang tính cấp thiết trên, việc thực hiện đề tài này sẽ cung cấp những số liệu thống kê cần thiết với mục tiêu: Khảo sát thái độ của sinh viên trong việc áp dụng YHCT để điều trị các vấn đề về da tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ và một số yếu tố liên quan.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm nhất và năm hai thuộc tất cả các ngành học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2022.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên năm nhất và năm hai thuộc tất cả các ngành học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không đồng ý tham gia khảo sát, vắng mặt tại thời điểm nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu nghiên cứu:** Sử dụng công thức ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Với độ tin cậy 95%, sai số mong muốn 2%, tỷ lệ ước đoán của một nghiên cứu trước đó (Theo nghiên cứu của Roodsari và cộng sự thực hiện trên 1279 sinh viên y khoa đại học thì tỷ lệ sinh viên mắc bệnh về da là 91,7%) [5]. Thay vào công thức ta được $n=730$.

- **Phương pháp chọn mẫu:** chọn mẫu thuận tiện bằng cách gửi bảng câu hỏi cho tất cả các sinh viên năm nhất và năm hai thuộc tất cả các ngành tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 11/2021 đến tháng 05/2023.

- **Xử lý số liệu:** sử dụng phần mềm SPSS 20.0.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:**

Địa điểm: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Thời gian: Từ tháng 11/2021 đến tháng 05/2023

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông qua khảo sát 730 sinh viên, chúng tôi thu được tỷ lệ sinh viên lớp YHCT chiếm 15,2%, các lớp khác chiếm 84,8%. Số lượng sinh viên đã và đang gặp vấn đề về da chiếm tỉ lệ khá cao với 74,4%. Về xu hướng điều trị bệnh về da, sinh viên chọn kết hợp cả hai phương pháp YHCT và YHHĐ (Y học hiện đại) chiếm tỷ lệ 27,8% và có 2,8% sinh viên chọn chỉ sử dụng đơn thuần YHCT để điều trị.

Bảng 1. Bệnh về da sinh viên gặp nhiều nhất

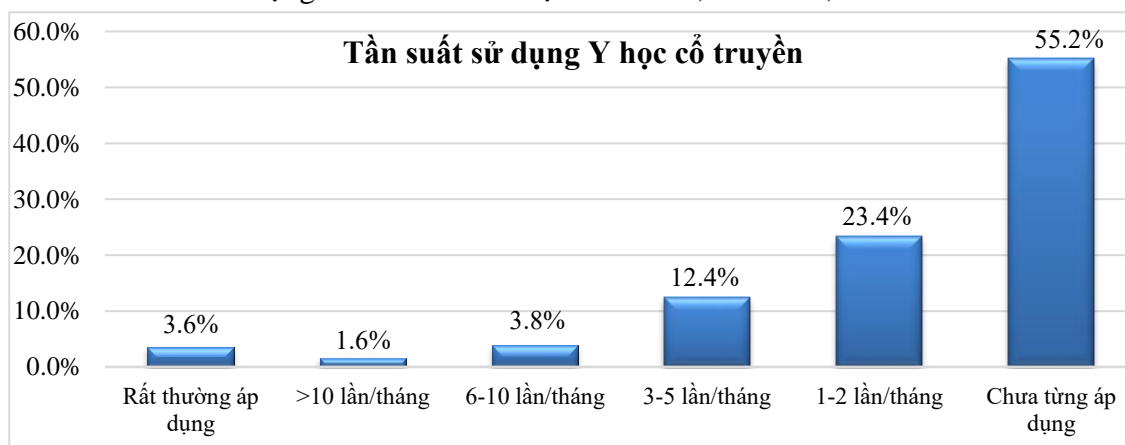
Bệnh về da gặp nhiều nhất	n	%
Mụn	473	87,1
Tàn nhang	30	5,5
Phát ban	13	2,4
Vẩy nến	5	0,9
Lang ben	4	0,7
Khác	18	3,4
Tổng	543	100,0

Nhận xét: Mụn là bệnh về da mà sinh viên gặp phải nhiều nhất chiếm tỷ lệ là 87,1%.

Bảng 2. Nhu cầu sử dụng YHCT để điều trị các bệnh về da ở sinh viên

Tình trạng bệnh về da	Nhu cầu sử dụng YHCT để điều trị	n	%
Từng gặp vấn đề về da	Có	318	71,6
	Không	126	28,4
Chưa từng gặp vấn đề về da	Có	209	60,9
	Không	134	39,1

Nhận xét: Sinh viên đã – đang gặp vấn đề về da và sinh viên chưa từng gặp vấn đề về da có nhu cầu sử dụng YHCT chiếm tỉ lệ cao với 71,6% và 60,9%.



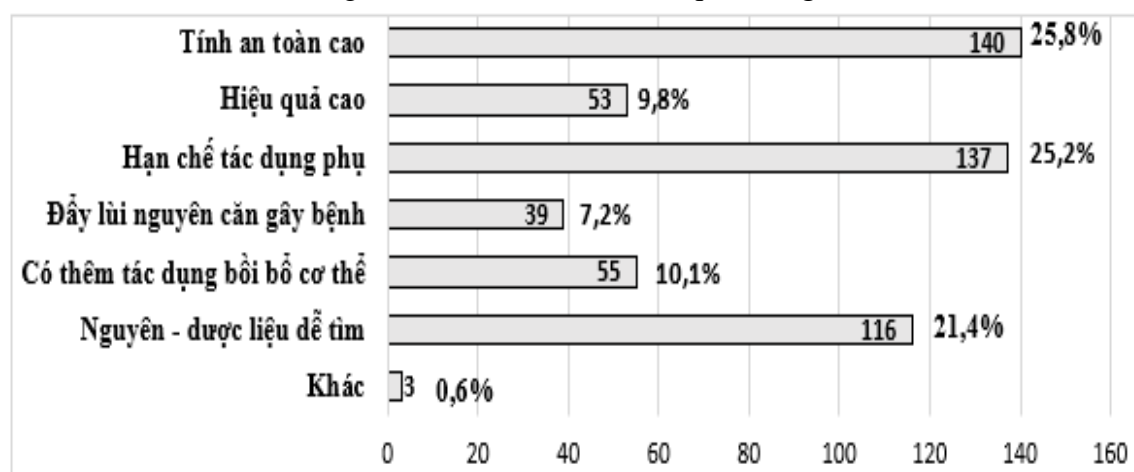
Biểu đồ 1. Tần suất sử dụng YHCT trong điều trị các bệnh về da của sinh viên

Nhận xét: Đa số sinh viên chưa từng áp dụng YHCT trong điều trị bệnh về da với 55,2%, 23,4% sinh viên từng áp dụng 1-2 lần/tháng, 3-5 lần/tháng 12,4%, trên 10 lần/tháng chiếm tỷ lệ thấp 1,6%.

Bảng 3. Phương pháp YHCT sinh viên lựa chọn nhiều nhất, tác dụng và mức độ hiệu quả sau khi áp dụng phương pháp YHCT để điều trị các bệnh về da

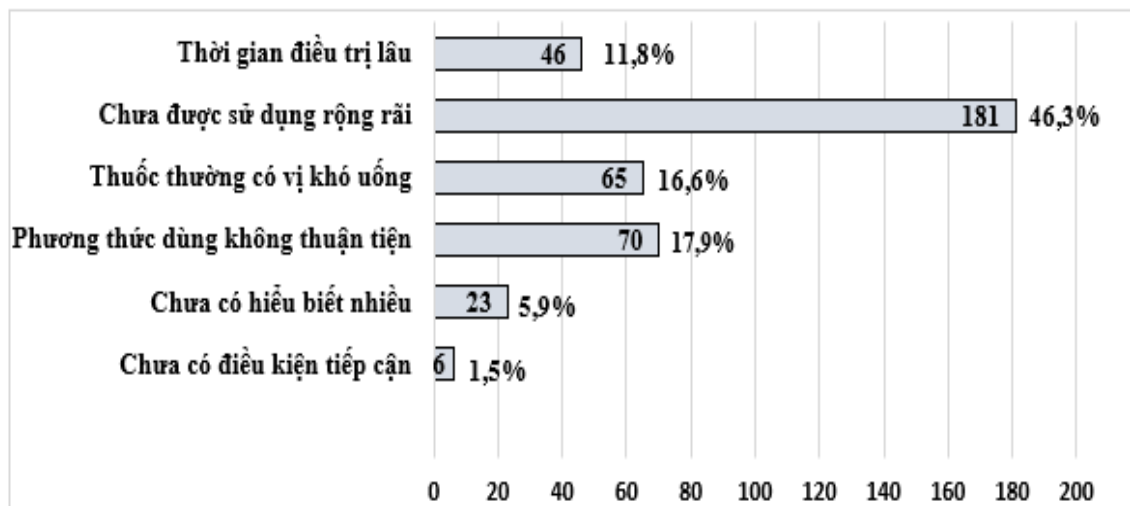
Phương pháp YHCT điều trị bệnh về da	n	%
Uống thuốc	21	10,6
Đắp	72	36,2
Thoa	62	31,2
Tắm, xông hơi	34	17,1
Xoa bóp	9	4,5
Khác	1	0,5
Tổng	199	100,0
Tác dụng sau khi dùng phương pháp YHCT		
Không tác dụng	5	2,5
Phòng bệnh	51	25,6
Chữa bệnh gốc	35	17,6
Chữa triệu chứng	108	54,3
Tổng	199	100,0
Mức độ hiệu quả		
Không hiệu quả	1	0,5
Rất ít	2	1,0
Ít	25	12,6
Tương đối	109	54,8
Cao	52	26,1
Rất cao	10	5,0
Tổng	199	100,0

Nhận xét: Phương pháp đắp chiếm tỷ lệ cao nhất với 36,2%. Tác dụng chiếm tỷ lệ cao nhất là chữa triệu chứng với 54,3%. Mức độ hiệu quả tương đối chiếm 54,8%.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ lý do sinh viên lựa chọn YHCT để điều trị bệnh về da (nhiều lựa chọn)

Nhận xét: tính an toàn cao chiếm 25,8% tương đương hạn chế tác dụng phụ 25,2%.



Biểu đồ 3. Tỷ lệ lý do sinh viên không chọn YHCT để điều trị bệnh về da (nhiều lựa chọn)

Nhận xét: lý do hàng đầu mà sinh viên không lựa chọn YHCT để điều trị các bệnh về da là chưa được sử dụng rộng rãi với 46,3%.

Bảng 4. Liên quan về việc sử dụng phương pháp YHCT trong điều trị bệnh về da ở sinh viên theo lớp

Tần suất dụng YHCT	Lớp		Tổng
	Lớp khác	Lớp YHCT	
Chưa áp dụng	216 (59,2%)	29 (36,7%)	245 (55,2%)
Đã áp dụng	149 (40,8%)	50 (63,3%)	199 (44,8%)
Tổng	365 (100,0%)	79 (100,0%)	444 (100,0%)
p=0,000			OR= 0,4 (KTC 95% 0,242; 0,662)
Nhu cầu sử dụng YHCT ở sinh viên từng gặp vấn đề về da			
Không	119 (32,6%)	7 (8,9%)	126 (28,4%)
Có	246 (67,4%)	72 (91,1%)	318 (71,6%)
Tổng	365 (100,0%)	79 (100,0%)	444 (100,0%)
p=0,000			OR= 4,976 (KTC 95% 2,222; 11,143)
Nhu cầu dùng YHCT ở sinh viên chưa từng gặp vấn đề về da			
Không	127 (41,5%)	7 (18,9%)	134 (39,1%)
Có	179 (58,5%)	30 (81,1%)	209 (60,9%)
Tổng	306 (100,0%)	37 (100,0%)	343 (100,0%)
p=0,008			OR= 3,041 (KTC 95% 1,295; 7,139)

Nhận xét: Về tần suất sử dụng: có 63,3% sinh viên lớp YHCT đã áp dụng YHCT trong điều trị bệnh về da và chỉ có 40,8% sinh viên lớp khác đã áp dụng. Tỷ suất chênh chỉ ra sự khác nhau của hai tỷ lệ này là 0,4 (khoảng tin cậy 95% 0,242 – 0,662). Sự chênh lệch về tỷ lệ đã áp dụng YHCT của hai nhóm lớp khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p=0,000<0,001$).

Về nhu cầu sử dụng: trong số sinh viên từng gặp vấn đề về da, có 67,4% sinh viên lớp khác và 91,1% sinh viên lớp YHCT có nhu cầu sử dụng YHCT để điều trị bệnh về da. Tỷ suất chênh chỉ ra sự khác nhau của hai tỷ lệ này là 4,976 (khoảng tin cậy 95% 2,222 – 11,143).

Trong số sinh viên chưa từng gặp vấn đề về da, có 58,5% sinh viên lớp khác và 81,1% sinh viên lớp YHCT có nhu cầu sử dụng YHCT để điều trị bệnh về da. Tỷ suất chênh chỉ ra sự khác nhau của hai tỷ lệ này là 3,041 (khoảng tin cậy 95% 1,295 – 7,139). Sự khác biệt về tỷ lệ nhu cầu sử dụng YHCT của hai nhóm lớp này khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

- Thái độ của sinh viên trong việc áp dụng Y học cổ truyền để điều trị các vấn đề về da

Nghiên cứu chúng tôi ghi nhận tỷ lệ cao sinh viên từng gặp vấn đề về da với 74,4%. Trong nghiên cứu của Nitin Joseph và cộng sự [6], cũng đã kết luận các rối loạn về da rất phổ biến ở sinh viên y khoa. Bệnh về da sinh viên gặp nhiều nhất là mụn chiếm 87,1%. Nghiên cứu của Rahmati Roodsari và cộng sự [5] ghi nhận, trong học sinh bị rối loạn da thì mụn trứng cá chiếm 56% thấp hơn so với nghiên cứu của chúng tôi. Về xu hướng điều trị, tỷ lệ sinh viên lựa chọn chỉ sử dụng đơn thuần YHCT còn hạn chế (2,8%), kết hợp hai phương pháp YHHĐ và YHCT chiếm tỷ lệ tương đối (27,8%). Nghiên cứu chúng tôi còn thu được kết quả sinh viên chưa từng áp dụng YHCT trong điều trị bệnh về da chiếm tỷ lệ khá cao với 55,2%, có 23,4% sinh viên từng áp dụng 1-2 lần/tháng. Nghiên cứu của Lê Thị Hồng Gấm và cộng sự [7], thu được tỷ lệ 14,8% chưa từng dùng thuốc YHCT thấp hơn nhiều so với nghiên cứu của chúng tôi, thỉnh thoảng dùng chiếm 50,5% và 34,7% dùng thường xuyên. Đồng thời, chúng tôi còn chỉ ra được lý do hàng đầu mà sinh viên chưa bao giờ sử dụng YHCT để điều trị các bệnh về da là chưa được sử dụng rộng rãi với 46,3% chiếm tỷ lệ cao nhất. Có sự khác biệt so với nghiên cứu của Hoàng Thị Hoa Lý [8], trong số 973 người không dùng YHCT để phòng và chữa bệnh, khi được hỏi lý do họ không dùng thuốc YHCT có 45,4% cho rằng do thiếu kiến thức về YHCT, 42,1% cho rằng do sử dụng bất tiện. Điều này cho thấy một số bất cập trong việc phổ biến về điều trị da bằng YHCT. Đây là điều cần lưu ý để xây dựng những giải pháp thích hợp, khắc phục mặt còn hạn chế của YHCT trong điều trị bệnh về da, đồng thời nâng cao hơn nữa hiểu biết của sinh viên về YHCT. Bên cạnh những mặt hạn chế, YHCT cũng có những thế mạnh riêng. Lý do sinh viên lựa chọn YHCT để điều trị bệnh về da chiếm tỷ lệ cao nhất là tính an toàn cao (25,8%) tương đương với hạn chế tác dụng phụ, hiệu quả cao chiếm 9,8% về ưu điểm của YHCT. Nghiên cứu của Lê Thị Hồng Gấm và cộng sự [7] cũng đã ghi nhận được ba lý do hàng đầu sử dụng YHCT mà đối tượng nghiên cứu đưa ra nhiều nhất là không có tác dụng phụ với 51,9%, dễ uống chiếm 34,9% và 32,3% là hiệu quả điều trị cao. Trong số các phương pháp bằng YHCT mà sinh viên lựa chọn nhiều nhất để điều trị các bệnh về da, chiếm tỷ lệ cao nhất là phương pháp đắp với 36,2%. Tác giả Đào Thị Hương trong một nghiên cứu ở Thái Nguyên năm 2015 [9] cho thấy tỷ lệ người dân sử dụng YHCT trong khám chữa bệnh là 34,9%, phương pháp được sử dụng nhiều nhất là xông hơi (47,1%), xoa bóp (35,4%). Hiệu quả sau khi áp dụng các phương pháp YHCT để điều trị các bệnh về da, mức độ tương đối chiếm tỷ lệ cao nhất (54,8%), tỷ lệ mức độ hiệu quả cao cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ (26,1%). Tác dụng sau khi dùng các phương pháp YHCT chiếm tỷ lệ cao nhất là chữa triệu chứng (54,3%), kế đó là tác dụng phòng bệnh chiếm tỷ lệ tương đối (25,6%), có 17,6% chọn tác dụng chữa bệnh gốc. Với những ưu điểm và thế mạnh riêng, YHCT đã góp phần không nhỏ trong việc điều trị các bệnh về da. Do đó cần phát huy ưu điểm vốn có và vai trò của YHCT trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao công tác truyền thông về điều trị các bệnh

về da bằng YHCT nhằm góp phần đánh giá vị trí của YHCT trong việc chăm sóc da và có một cái nhìn sâu sắc về hệ thống YHCT trong điều trị bệnh hiện nay.

- Một số yếu tố liên quan về thái độ của sinh viên trong việc áp dụng Y học cổ truyền để điều trị các vấn đề về da

Chúng tôi còn chỉ ra sự khác biệt về tần suất sử dụng YHCT và nhu cầu dùng phương pháp YHCT trong điều trị các bệnh về da ở lớp YHCT và lớp khác có ý nghĩa thống kê ($p=0,000<0,005$). Cụ thể, lớp YHCT có tần suất sử dụng YHCT (63,3%) và nhu cầu dùng phương pháp YHCT kể cả ở sinh viên từng gặp vấn đề về da và chưa từng gặp vấn đề về da đều cao hơn lớp khác. Điều này có thể được lý giải do YHCT là ngành mà các sinh viên học YHCT đang theo học, họ có sự tiếp xúc, quan tâm đối với YHCT sớm hơn và nhiều hơn so với sinh viên lớp khác và ngược lại. Mặc dù có sự chênh lệch về việc sử dụng YHCT giữa các nhóm lớp nhưng nghiên cứu của chúng tôi đã ghi nhận được tỷ lệ cao sinh viên có nhu cầu sử dụng YHCT trong điều trị các bệnh về da. Điều này cũng phù hợp với vị thế hiện nay của YHCT trong một số nghiên cứu. Trong nghiên cứu của Ferdoushi Jahan và cộng sự [10] có đề cập, ngày nay, những các thành phần tự nhiên đã trở nên phổ biến hơn trong mỹ phẩm. Nhu cầu sử dụng mỹ phẩm thảo dược ngày càng tăng nhanh vì chúng không có tác dụng phụ, thường thân thiện, an toàn khi sử dụng,... Vì vậy, để sinh viên có cái nhìn đúng đắn thì việc thực hiện công tác tuyên truyền để nâng cao kiến thức của sinh viên trong việc điều trị bệnh về da bằng YHCT là thực sự cần thiết.

V. KẾT LUẬN

Đa số sinh viên đã hoặc đang gặp vấn đề về da, trong đó mụn chiếm tỷ lệ cao nhất. Tần suất sử dụng YHCT trong điều trị bệnh về da hiện tại còn thấp. Phương pháp đáp được ưu tiên lựa chọn, hiệu quả sau khi áp dụng YHCT ở mức tương đối và mang lại nhiều tác dụng như chữa triệu chứng, phòng bệnh. Nhu cầu áp dụng YHCT trong tương lai chiếm tỷ lệ khá cao. Có sự khác biệt giữa sinh viên ngành YHCT với nhóm ngành khác trong việc áp dụng YHCT để điều trị các vấn đề về da.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sau Huu Nguyen, Long Hoang Nguyen, Giang Thu Vu, Cuong Tat Nguyen, Thu Hoai Thi Le et al. Health-related quality of life impairment among patients with different skin diseases in Vietnam: A cross-sectional study. *Int. J. Environ. Res. Public Health*. 2019.16(3), 305, <http://doi.org/10.3390/ijerph16030305>.
2. Wolkenstein P, Grob JJ, Bastuji-Garin S et al. French people and skin diseases: results of a survey using a representative sample. *Arch Dermatol*. 2003.139(12), 1614–1619, <http://doi.org/10.1001/archderm.139.12.1614>.
3. IJ De Vere Hunt, E. Howard, and T McPherson. The impact of chronic skin disease in adolescence and the need for specialist adolescent services. *Clinical and Experimental Dermatology*. 2019.45(1), 5-9, <https://doi.org/10.1111/ced.14021>.
4. I M G J Bronckers, A S Paller, M J van Geel, P C M van de Kerkhof and M M B Seyger. Psoriasis in children and adolescents: diagnosis, management and comorbidity management. *Paediatr Drugs*. 2015.17(5), 84-373, <http://doi.org/10.1007/s40272-015-0137-1>.
5. M Rahmati Roodsari, Malekzad F, Amini R and Shiri M. Frequency of skin disorders among university students in Shahid Beheshti University of Medical Sciences. *Research in Medicine*. 2006.30(3), 183-186, <http://pejouhesh.sbmu.ac.ir/article-1-294-en.html>.

7. Nitin Joseph, Ganesh S Kumar, and Maria Nelliyanil. Skin diseases and conditions among students of a medical college in southern India. *Indian Dermatol OnlinInd.* 2014.5(1), 19–24, <http://doi.org/10.4103/2229-5178.126012>.
 8. Lê Thị Hồng Gấm, Nguyễn Bạch Ngọc và Hà Minh Trang. Thực trạng sử dụng Y học cổ truyền của người bệnh khám tại Bệnh viện Quân Y 254 năm 2019 và một số yếu tố liên quan. *Y học cộng đồng.* 2019.59(6), 129-135, <https://doi.org/10.52163/yhc.v2020i59>.
 9. Hoàng Thị Hoa Lý. Đánh giá thực trạng và hiệu quả can thiệp y học cổ truyền tại tuyến xã ở 3 tỉnh miền Trung. *Đại học Y Dược Hà Nội.* 2015.153.
 10. Đào Thị Hương. Thực trạng và các yếu tố liên quan đến kết quả sử dụng Y học cổ truyền của người dân hai xã vùng cao thuộc huyện Đại Từ. Trường Đại học Y- Dược Thái Nguyên. 2014.
 11. Ferdoushi Jahan, Afroza Akter Happy, Mohammad Moynul Hasan Chowdhury and Mohammad Arif Hossain. Natural Herbs and Spices: A Great Resource for Skin Care Cosmetics. *Journal of Plant Sciences.* 2019.7(4), 86-99, <http://doi.org/10.11648/j.jps.20190704.13>.
-